| TÒA ÁN NHÂN DÂN<br>TỈNH PHÚ YÊN | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|

Bản án số: 85/2023/DS-PT
Ngày: 08-9-2023
*V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Lương Quang.
*Các Thẩm phán:* ông Lê Trúc Lâm và bà Vũ Ngọc Hà.

- ***Thư ký phiên tòa:*** bà Nguyễn Ý Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên:*** bà Nguyễn Thị Tú Vương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2023/DSPT ngày 15 tháng 8 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2023/DS-ST ngày 22/5/2023 của Toà án nhân dân thị xã Đông Hòa bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 128/2023/QĐ-PT ngày 21/8/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 209/2023/QĐ-PT ngày 30/8/2023 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* bà Trần Thị L, sinh năm 1976; địa chỉ: khu phố Đ, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

*2. Bị đơn:* bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1966; địa chỉ: khu phố Đ, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/4/2022, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên toà nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:*

Thông qua mối quan hệ quen biết, bà Trần Thị L biết bà L làm ở Tổ vay vốn khu phố. Khi đó, bà L nói cần tiền để đáo hạn ngân hàng vì bà L đang vay tiền ở Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn thị xã Đ đã đến hạn nên vào tháng 11/2021 (Âm lịch) bà đưa cho bà L vay số tiền 3.040.000.000 đồng, hẹn đến tháng 12/2021 (Âm lịch) bà L trả tiền gốc và lãi cho bà nhưng đến hẹn bà L không trả, do đó bà L viết giấy vay tiền đề ngày 28/12/2021 (Âm lịch) ghi vay của bà số tiền 3.077.000.000đ (Ba tỷ không trăm bảy mươi bảy triệu đồng), trong đó có tiền lãi một tháng là 37.000.000đ (Ba mươi bảy triệu đồng), tương đương với lãi suất quá hạn ngân hàng 1,5%/tháng. Bà L hẹn đến ngày 31/3/2022 bà L sẽ trả hết số tiền

gốc và lãi cho bà. Việc thoả thuận lãi khi bà đưa tiền cho bà L có thoả thuận theo lãi quá hạn ngân hàng, đối với số tiền lãi ghi tại Giấy mượn tiền ngày 28/12/2021 là do bà L tự ghi, vì bà L khi đó nói tiền vay bà L đưa cho người khác vay đáo hạn ngân hàng nên bà L tự ghi thêm mức thoả thuận người khác vay bà L để làm niềm tin với bà vì đã đến hẹn mà bà L không chịu trả tiền gốc cho bà, còn lời khai của bà L tại cơ quan công an cho rằng bà lấy lãi 3.000đ/ngày/1.000.000đ là không đúng, bà chưa nhận khoản tiền lãi nào từ bà Nguyễn Thị L.

Việc bà cho bà L vay số tiền 3.040.000.000 đồng thì chồng bà là ông Ngô Văn T không có quyền lợi liên quan, là tài sản riêng của bà và chồng bà L cũng không biết, không có nghĩa vụ gì. Do đó, bà khởi kiện đề nghị Toà án buộc bà Nguyễn Thị L trả số tiền 3.077.000.000đ (Ba tỷ không trăm bảy mươi bảy triệu đồng) và tiền lãi cho bà theo quy định pháp luật.

*Theo các lời khai tại Cơ quan Công an thị xã Đ có tại hồ sơ vụ án, bà Nguyễn Thị L trình bày:* Từ năm 2020 (không nhớ rõ ngày tháng) đến tháng 10/2021, bà (L) có vay tiền của bà Trần Thị L nhiều lần, có lần bà L1 đến nhà bà đưa tiền, có lần bà đến nhà bà L1 lấy tiền, tổng cộng số tiền bà vay của bà L1 là 3.077.000.000đ (Ba tỷ không trăm bảy mươi bảy triệu đồng). Khi vay tiền bà L1, bà có nói vay tiền để cho người khác đáo hạn ngân hàng thì bà L1 đồng ý, không hứa hẹn thời gian trả, chỉ thoả thuận lãi suất, cứ 1.000.000đ (Một triệu đồng) thì tiền lãi mỗi ngày là 3.000đ (Ba nghìn đồng). Bà đã trả lãi đều đặn cho bà L1 đến ngày 28/12/2021 (Âm lịch) bà không có tiền nên không trả lãi nữa. Đến ngày 03/3/2022, bà có viết một tờ giấy vay tiền đưa cho bà L1, nội dung giấy vay là bà có vay của bà L1 số tiền 3.077.000.000đ, hẹn đến ngày 31/3/2022 bà sẽ trả hết nhưng vì những người khác (Hồ Minh C, Hồ Thị Minh H1, Lê Thị H2) vay tiền của bà không trả nên bà không có tiền để trả cho bà L1 đúng hẹn. Việc bà L cho Hồ Minh C, Hồ Thị Minh H1, Lê Thị H2 vay tiền để đáo hạn ngân hàng bà L1 biết vì bà L1 đến nhà bà gặp những người này.

Quá trình toà án thụ lý đã tống đạt hợp lệ cho bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Bá A (chồng bà L) nhưng bà L, ông A không đến toà án, vắng mặt không có lý do, không có lời trình bày tại toà án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2023/DS-ST ngày 22/5/2023 của Toà án nhân dân thị xã Đ đã quyết định:

Căn cứ các Điều 92, Điều 147, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 166, 463, 466 Bộ luật Dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L vì có căn cứ.

Buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho bà Trần Thị L số tiền 3.077.000.000đ *(Ba tỷ không trăm bảy mươi bảy triệu đồng)*.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.
- Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên kháng cáo.
- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ pháp luật tố tụng quy định. Về nội dung: cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà L phải trả cho nguyên đơn bà Trần Thị L số tiền 3.077.000.000đ là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị đơn kháng cáo không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả hết nợ. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào ý kiến các bên đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định là kháng cáo hợp lệ được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Bị đơn kháng cáo có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 296 xét xử vắng mặt người kháng cáo.

*[2] Về nội dung kháng cáo bị đơn*

Quá trình TAND thị xã Đ giải quyết vụ án, bị đơn bà L được triệu tập hợp lệ nhiều lần đều vắng mặt, không có lời trình bày. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Giấy vay tiền ngày 28/12/2021 AL do nguyên đơn cung cấp có nội dung *"Tôi Nguyễn Thị L, sinh 1966. Trú quán thôn Đ, H. CCCD: 054166000574 cấp ngày 04/10/2021. Tôi có vay của bà Trần Thị L số tiền 3.077.000.000đ (Ba tỷ không trăm bảy mươi bảy triệu). Với lãi suất cứ 1.000.000đ là 3.000đ. Vậy tôi viết giấy này hẹn đến 31/3/2022 sẽ thanh toán. Nếu có gì sai tôi chịu hoàn toàn trước pháp luật. Ký tên Nguyễn Thị L"* và lời khai nhận của bà Nguyễn Thị L tại cơ quan điều tra công an thị xã Đ – *"bà L thừa nhận có vay của bà L1 số tiền 3.077.000.000đ"* để buộc bị đơn bà Nguyễn Thị L phải trả cho nguyên đơn bà Trần Thị L số tiền 3.077.000.000đ là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị đơn bà Nguyễn Thị L kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả hết nợ. Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ được chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không thể thỏa mãn với yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

[3] Về án phí: Bị đơn kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 92, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, 463, 466 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L vì có căn cứ.

1. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị L phải trả cho nguyên đơn bà Trần Thị L số tiền 3.077.000.000đ *(Ba tỷ không trăm bảy mươi bảy triệu đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành xong.

2. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị L phải chịu 93.540.000đ *(Chín mươi ba triệu năm trăm bốn mười nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000đ đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 06963 ngày 30/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Hòa.

- Hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Trần Thị L số tiền tạm ứng án phí 46.770.000đ *(Bốn mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng)* tại Biên lai tạm ứng án phí số 1952 ngày 29/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Hòa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND TX Đông Hòa (2);
- CC THADS TX Đông Hòa;
- P. NVKT;
- Các đương sự;
- Lưu AV, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lương Quang**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Trúc Lâm** **Mai Tấn Hoàng** **Lương Quang**